

Bản án số: 42/2026/HS-PT

Ngày: 10-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Ông Lê Thành Tôn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 07/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Đặng Long Q và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HSST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Phương A**, sinh ngày 23/12/2003 tại Cà Mau; Giới tính: Nữ. CCCD số 096303012729, cấp ngày 06/10/2023. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Nơi cư trú: Số D T, khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Hữu Đ và bà: Nguyễn Thị Minh C; Chồng Đặng Long Q; Con: Có 01 người; Tiền án: Ngày 22/3/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp), xử phạt 01 năm 3 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Che giấu tội phạm”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự (Bản án số 09/2022/HS-ST). Chấp hành xong ngày 13/10/2023 Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại **có mặt** tại phiên tòa.

2. **Đặng Long Q**, sinh ngày 30/10/2002 tại Tiền Giang (Nay là tỉnh Đồng Tháp). Giới tính: Nam. CCCD số 082202009913, cấp ngày 04/3/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Nơi cư trú: Tổ A, ấp Đ, xã C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: 8/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:

Không; Con ông: Đặng Hoa N và bà: Lê Thị Ngọc K. Vợ: Nguyễn Phương A. Con: Có 01 người. Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 30/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp), xử phạt số tiền 20.000.000 đồng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự (Bản án số 53/2022/HS-ST). Đặng Long Q chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

3. Phạm Lê Nhật T, sinh ngày 23/12/2003 tại Tiền Giang (Nay là tỉnh Đồng Tháp). Giới tính: Nam. CCCD số 082203011679, cấp ngày 24/6/2023. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Nơi cư trú: Số A, tổ E, ấp B, xã C, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Công H và bà: Lê Thị T1. Vợ, con: Chưa. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

4. Kiều Đăng K1, sinh ngày 14/4/2003 tại Tiền Giang (Nay là tỉnh Đồng Tháp). Giới tính: Nam. CCCD số 082203018558, cấp ngày 06/7/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Kiều Đăng Q1 và bà: Lương Ngọc Vũ D. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

5. Lê Văn T2, sinh ngày 18/9/2002 tại Tiền Giang (Nay là tỉnh Đồng Tháp). Giới tính: Nam. CCCD số 082202012053, cấp ngày 06/7/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Nơi cư trú: Số D, ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Thành Đ1 và bà: Lê Kim P. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Đỗ Thị Liễu E, sinh năm 2006 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Đức Tây, xã Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở: Số 227, Đình Bộ Lĩnh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T3, sinh 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số C ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Cao Thị Ngọc T4, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B Đ, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 11/01/2025, tại quán K2, tọa lạc Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp), Nguyễn Phương A và Đỗ Thị Liễu E xảy ra đánh nhau tại nhà xe của quán do mâu thuẫn trong việc tiếp khách, được mọi người can ngăn nên cả hai dừng lại. Nguyễn Phương A điện thoại cho chồng là Đặng Long Q nói bị đánh, mục đích kêu Quyền đến đánh trả thù và rước Phương A về. Lúc này, Q đang uống bia tại nhà ở Tổ A, ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tổ A, ấp Đ, xã C, tỉnh Đồng Tháp) với Lê Văn T2, Kiều Đăng K1, Phạm Lê Nhật T, nên Q rủ K1, T2, T đi đánh trả thù người đã đánh Phương A, thì cả nhóm đồng ý. Quyền vào nhà lấy theo dao tự chế dài 70cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có mũi nhọn, 01 cạnh sắc bén dài 47cm; cán dao bằng nhựa màu đen, được quấn dây vải màu đen - đỏ, dài 23cm; vỏ dao dài 53cm. K1 điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Vario, biển số 63C1-487.10 chở Q ngồi phía sau cầm theo dao, T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Vario, biển số 63AD-087.48 chở T2. Khi đến quán karaoke Tấn L, Q cầm dao xông vào, Phương A chỉ cho Q biết Liễu E. Quyền dùng dao chém 3 – 4 nhát vào vùng đầu của Liễu E, Liễu E đưa tay lên đỡ nên gây thương tích ở vùng đầu và cánh tay phải. Lúc này, K1 can ngăn, kéo Quyền ra nhưng không được. Liễu Em trốn vào quầy thu ngân, K1 vào kéo Liễu Em ra, Q tiếp tục dùng dao chém Liễu Em 01 cái. Sau đó, được T2, T, K1 can ngăn, Q dừng lại và cả nhóm bỏ đi.

Giấy chứng nhận thương tích số 12 ngày 17/01/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh T (nay là Bệnh viện Đ), xác định thương tích của Đỗ Thị Liễu E:

- + Sưng đau đầu, một vết thương đỉnh chẩm 03cm, sắc gọn;
- + Sưng nề ít, sây sát cánh tay phải;
- + Đau căng tay phải, một vết thương mặt lưng 1/3 dưới căng tay phải 02cm, sắc gọn.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 19-2025/KLTTCT-TTPY ngày 21/01/2025 của Trung tâm P1 (nay là Trung tâm pháp y tỉnh Đ), kết luận thương tích của Đỗ Thị Liễu E:

- + Sẹo vết thương vùng giữa đỉnh chẩm;
- + Sẹo vết thương 1/3 dưới sau căng tay phải;
- + Sây sát da 1/3 trên ngoài cánh tay phải để lại vết thay đổi sắc tố da.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đỗ Thị Liễu E là 04%. Thương tích cho vật sây gây nên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp đã quyết định:

1 - Tuyên bố các bị cáo Đặng Long Q, Nguyễn Phương A, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1 và Lê Văn T2 phạm tội Cố ý gây thương tích.

2 - Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. (Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T, T2, K1; điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Q).

3 - Xử:

- Phạt bị cáo **Đặng Long Q 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Phương A 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Phạm Lê Nhật T 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Kiều Đăng K1 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Lê Văn T2 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2025, bị cáo Kiều Đăng K1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 24/9/2025, bị cáo Lê Văn T2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 24/9/2025, bị cáo Phạm Lê Nhật T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 24/9/2025, bị cáo Đặng Long Q có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/9/2025, bị cáo Nguyễn Phương A có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Phương A, Đặng Long Q, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1, Lê Văn T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, bị cáo Nguyễn Phương A và bị cáo Q có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình, bị cáo K1 đang đi học đại học, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự ở khu vực, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, mức án áp dụng cho các bị cáo Nguyễn Phương A, Đặng Long Q, Lê Văn T2, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1 là phù hợp, không nghiêm khắc, giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HSST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Long Q, Nguyễn Phương A, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1, Lê Văn T2 làm trong hạn luật định đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Long Q, Nguyễn Phương A, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1, Lê Văn T2 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ giữa bị cáo Nguyễn Phương A với bị hại Đỗ Thị Liễu E, các bị cáo đã có hành vi dùng dao gây thương tích cho bị hại Đỗ Thị Liễu E. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an, an ninh chính trị tại địa phương, thể hiện tính côn đồ nên đã cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích”. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Long Q, Nguyễn Phương A xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo:

Xét thấy, các bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải). Đối với bị cáo Q có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Q và Phương A 01 năm tù là có căn cứ, tương xứng tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Q và Phương A không đưa ra các tình tiết giảm nhẹ nào khác. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q và Phương A, giữ nguyên hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Kiều Đăng K1, Phạm Lê Nhật T, Lê Văn T2 xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cho giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy;

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng); không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Kiều Đăng K1 09 tháng tù; bị cáo Phạm Lê Nhật T, Lê Văn T2 06 tháng tù là có căn cứ, tương xứng tính chất, mức độ phạm tội bị cáo đã gây ra.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đồng thời, theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo không đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Đăng K1, Phạm Lê Nhật T, Lê Văn T2.

[6] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo Phương A, Q, T2, T, K1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đặng Long Q, Nguyễn Phương A, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1, Lê Văn T2. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Long Q, Nguyễn Phương A, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1 và Lê Văn T2 phạm tội Cố ý gây thương tích.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. (Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, T2, K1; điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Q).

2. Tuyên xử:

- Phạt bị cáo **Đặng Long Q 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Nguyễn Phương A 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Phạm Lê Nhật T 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Kiều Đăng K1 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Phạt bị cáo **Lê Văn T2 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo **Đặng Long Q, Nguyễn Phương A, Phạm Lê Nhật T, Kiều Đăng K1, Lê Văn T2** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan THAHS CA Đồng Tháp
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Công an xã C;
- Công an phường Đ;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Diệp Thúy